

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS- PT

Ngày: 22/02/2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2022/DS-PT ngày 11/11/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 10/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐ-PT ngày 09/02/2023 giữa:

***Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị N, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang;

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt)

Ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt)

Anh Trần Kim M, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Tổ A, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang;

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

***Người làm chứng:** Chị Vũ Thúy H2, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm, nên ngày 30/02/2017 âm lịch, bà H có đến nhà bà vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, sau đó gia hạn thêm 02 năm đến hạn là 30/02/2020. Khi vay bà H hỏi vay để kinh doanh bán hàng gia đình, và lo việc cho con cái, lãi suất thỏa thuận lãi suất là 20%/ năm. Gia đình bà H đã trả lãi đến 31/12/2018 dương lịch. Còn tiền gốc từ ngày vay và tiền lãi từ 01/01/2019 đến nay không trả được đồng nào. Nay bà yêu cầu bà H, ông H1, anh M có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 230.000.000 đồng và lãi 20%/ năm tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử.

Ngày 30/12/2017 âm lịch, bà H lại vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, và lo việc cho con cái, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất 2 bên thỏa thuận bằng miệng là 20%/năm. Bà xác định bà H đã trả được số tiền lãi đến 31/12/2018. Còn số tiền gốc từ ngày vay và lãi từ 01/01/2019 đến nay chưa trả được số tiền nào. Nay bà yêu cầu bà H, ông H1, anh M có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi 20%/năm tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử.

Bà xác định đây là khoản nợ chung của gia đình bà H. Tại các mã vay tiền ngày 30/2/2017 và ngày 30/12/2017 thì chữ viết trong giấy vay do bà H viết, còn chữ ký “*Nguyễn Thị H, Trần Kim M*” tại phần người vay tiền do bà H và anh M ký; còn bà viết chữ phần người cho vay. Bà xác định anh M ký vào cuối năm 2018, sau thời điểm bà H vay tiền, anh M ký mục đích với tư cách là người vay tiền và có trách nhiệm trả tiền cùng bà H.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông H1, anh M phải trả cho vợ chồng bà tổng số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi 20%/ năm tính từ 01/01/2019 dương lịch cho đến ngày xét xử .

Tại phiên tòa bà Ngô Thị N có mặt và thay đổi mức lãi suất, bà chỉ yêu cầu bà H, ông H1 trả mức lãi suất 10%/ năm đối với 02 mã vay và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình là yêu cầu bà H, ông H1, anh M phải trả cho vợ chồng bà tổng số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm tính từ 01/01/2019 dương lịch cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên, bà xác định bà H đã trả được thêm 2.800.000 đồng tiền lãi kèm theo mã ghi trả lãi nộp tại phiên tòa và đồng ý trừ vào số tiền lãi bà H phải trả.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm, nên ngày 30/02/2017 âm lịch, bà có hỏi vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, sau đó gia hạn thêm 02 năm đến hạn là 30/02/2020.

Ngày 30/12/2017 âm lịch, bà có vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay của 2 lần vay lúc bà trình bày để kinh doanh bán hàng gia đình, lúc bà trình bày để cho người khác vay, lãi suất thỏa thuận bằng miệng khoảng 1 nghìn hay 1.500 đồng/1 triệu đồng. Bà xác định đã trả lãi của 2 mã vay từ khi vay đến tháng 5/2022. Còn tiền gốc từ ngày vay đến nay thì chưa trả đồng nào. Sau khi bà vay xong thì đến năm 2021 bà N yêu cầu con trai bà là Trần Kim M ký với tư cách là người làm chứng để tránh sau này bà chết thì con bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà. Bà xác định nội dung chữ viết trong giấy vay và chữ ký "*Nguyễn Thị H*, là do bà viết, còn chữ "*Trần Kim M*" tại phần người làm chứng do anh M ký. Bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà, anh M chỉ ký với tư cách là người làm chứng, còn ông H1 không liên quan đến khoản nợ này vì bà vay để cho người khác vay, và đề nghị Tòa án không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị đơn. Các lần trả lãi thì bà đưa trực tiếp cho vợ chồng bà N hoặc gửi hàng xóm, (hàng tháng đưa tổng khoảng 5 đến 6 triệu đồng, có tháng thì đưa 3 triệu đồng, nhưng các lần trả lãi đều không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc trả lãi.

Nay bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà và anh M phải trả cho vợ chồng bà N tổng số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm tính từ 01/01/2019 dương lịch cho đến ngày xét xử thì bà đồng ý trả số tiền gốc, còn số tiền lãi bà xin được miễn.

*Ông Nguyễn Mạnh Hùng trình bày: Việc bà Nguyễn Thị H là vợ ông vay mượn cụ thể như thế nào ông không được biết, cũng không bàn bạc gì với ông, mãi sau này ông mới được biết. Ông xác định đây là khoản nợ của cá nhân bà H, không phải nợ chung của vợ chồng vì bà H không vay vì mục đích phát triển kinh tế gia đình. Ông xác định ông không ký vào các mã vay tiền và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn.

*Anh Nguyễn Kim Mạnh trình bày: Anh hoàn toàn không biết việc mẹ anh là bà Nguyễn Thị H đã vay tiền của bà Ngô Thị N như thế nào, vay để làm gì, giao nhận tiền ở đâu thì anh không biết, chỉ đến khi bà N đòi tiền mẹ anh chưa có tiền trả thì bà N thông báo cho anh biết để làm chứng. Anh nghi ngờ chữ viết "*Mạnh*, *Trần Kim M*" không phải là chữ ký của anh và khi nào bà N cung cấp 02 bản chính giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận thì anh yêu cầu giám định chữ ký, nhưng sau đó anh lại từ chối giám định chữ ký. Anh xác định đây là khoản nợ riêng của bà H, bà N khởi kiện thì bà H có trách nhiệm trả. Anh xin được vắng mặt tại các buổi đối chất, các phiên họp và hòa giải, các phiên tòa xét xử.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H H đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Tiến S số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi 101.652.641 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 381.652.641 đồng (cụ thể: ông H1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà N, ông S số tiền 190.826.320.5 đồng; bà H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà N, ông S số tiền 190.826.320.5 đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 03/10/2022, bị đơn ông Trần Mạnh H1 kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử buộc cá nhân bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cả nợ gốc và lãi cho vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Tiến S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Trần Mạnh H1 xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt do sức khỏe yếu và giữ nguyên quan điểm ý kiến đã trình bày.

Bị đơn anh Trần Kim M vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến S xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần

Mạnh H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H H. Ông H1 được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và xin vắng mặt tại phiên toà. Đây là phiên toà mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của các bên cũng như tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện có việc vay tiền giữa bà N và bà H. Phía nguyên đơn bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Tiến S đều xác định là nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H1, anh Trần Kim M vì khi vay bà H nói vay để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình và anh M có ký tên vào giấy biên nhận vay tiền. Còn bà H xác định là nợ riêng của bà, không liên quan đến ông H1, anh M. Ông H1 xác định là nợ riêng của bà H, không phải nợ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm, bà H nhiều lần thay đổi lời khai về mục đích vay tiền. Tuy nhiên, tại các mã vay bà H xác định đều do bà viết và ký, mục đích trong các mã vay đều ghi để kinh doanh. Tại thời điểm vay, ông Trần Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp, đang trong thời kỳ hôn nhân. Việc vay tiền để kinh doanh của bà H để phát triển kinh tế chung của gia đình. Việc ông H1, bà H cho rằng đây là khoản vay riêng của bà H là không có căn cứ. Ngoài ra tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn ông H1 cũng không xuất trình được thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Do ông H1 và bà H đã có quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 174 ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H H nên ông H1 và bà H mỗi người phải chịu một nửa số tiền phải trả.

Từ những đánh giá trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Trần Mạnh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo ông Trần Mạnh H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mạnh H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của Toà án nhân dân huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Mạnh H1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện H H;
- Chi cục THADS huyện H H;
- VKSND huyện H H;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Việt Hùng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA